

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
TP.HCM

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN
HỌC BỔNG HK1**

Khoa TL- GD (năm học 2010 - 2011)

(Danh sách kèm theo quyết định số
1063/QĐ-ĐHSP ngày 06/06/2011)

STT	Họ và tên	Mã SV	ĐT	ĐR	Mức học tiền	Số bổng
1	Võ Anh Ngu yên	K363.1480	.604	.001	240,000	1,200
2	Dương Diễm ng Thị	K363.0792	.604	.006	240,000	1,200
3	Qua Hảo ng Thực	K363.2193	.604	.013	300,000	1,500
4	Ngu Linh yễn Thị Trúc	K363.5077	.604	.021	240,000	1,200
5	Ngu Ngu yễn yên Thị Thú y	K363.2180	.604	.024	300,000	1,500
6	Ngu Nha yễn n Thị Hòn g	K363.0091	.604	.026	240,000	1,200
7	Ngu Sơn yễn Thị Kim	K363.2985	.604	.031	300,000	1,500
8	Phạm Dươ ng Thị Hiền	K358.0784	.604	.004	300,000	1,500
9	Lê Giàu Thị Ngộ	K358.1080	.604	.006	300,000	1,500

c					
10	Lê Phú	K35 8.9083	300,0	1,50	
	Văn	.604	00	0,00	
	Hữu	.022	0		
11	Đình Quy	K35 8.2489	300,0	1,50	
	Thảo ôn	.604	00	0,00	
		.023	0		
12	Tô P Thảo	K35 8.0380	300,0	1,50	
	hươn	.604	00	0,00	
	g	.026	0		
13	Ngũ Ánh	K34 8.2693	300,0	1,50	
	yễn	.604	00	0,00	
	Thị	.001	0		
	Ngọ				
c					
14	Ngũ Duy	K34 8.3088	300,0	1,50	
	yễn	.604	00	0,00	
	Ngọ	.003	0		
c					
15	Ngũ My	K34 8.1993	300,0	1,50	
	yễn	.604	00	0,00	
	Thị	.001	0		
	Diễn				
m					
16	Lê Thủ	K34 8.0497	300,0	1,50	
	Thị y	.604	00	0,00	
	Than	.025	0		
h					
17	Ngô Duy	K33 9.1086	300,0	1,50	
	Thị ên	.604	00	0,00	
	Mỹ	.003	0		
18	Mai Hận	K33 8.9595	300,0	1,50	
	Mỹ h	.604	00	0,00	
		.004	0		
19	Phạ Hiền	K33 8.5593	300,0	1,50	
	m	.604	00	0,00	
	Thị	.005	0		
	Thái				
20	Ngũ Hiền	K33 8.9595	300,0	1,50	
	yễn	.604	00	0,00	
	Văn	.006	0		
21	Ngũ Như	K33 8.6290	300,0	1,50	
	yễn	.604	00	0,00	
	Thị	.020	0		
	Quý				
nh					
22	Ngũ Giàu	K36 3.3678	240,0	1,20	
	yễn	.609	00	0,00	
	Thị	.006	0		
	Ngọ				

c				
23	Ngu Hải	K36 3.14 86	240,0	1,20
	yễn	.609	00	0,00
	Hoà	.009	0	
ng				
24	Ngu Hươ	K36 3.43 83	300,0	1,50
	yễn ng	.609	00	0,00
	Thị	.013	0	
	Diễn			
m				
25	Ngu Mai	K36 3.43 84	300,0	1,50
	yễn	.609	00	0,00
	Thị	.025	0	
26	Ngu Nga	K36 3.29 90	300,0	1,50
	yễn	.609	00	0,00
	Thị	.031	0	
27	Phạ Than	K36 3.57 78	240,0	1,20
	m h	.609	00	0,00
	Đào	.045	0	
	Đan			
28	Đỗ Thơ	K36 3.29 88	300,0	1,50
	Thị	.609	00	0,00
	Mỹ	.048	0	
29	TrươThù	K36 3.57 83	300,0	1,50
	ng y	.609	00	0,00
	Thị	.053	0	
	Min			
	h			
30	Đặng Trúc	K36 3.07 77	240,0	1,20
	g	.609	00	0,00
	Thị	.062	0	
	Than			
	h			
31	Huỳnh Tú	K36 3.64 79	240,0	1,20
	nh	.609	00	0,00
	Thị	.064	0	
	Than			
	h			
32	Ngu Anh	K35 7.51 92	240,0	1,20
	yễn	.609	00	0,00
	Thị	.001	0	
	Lan			
33	Phạ Chà	K35 7.77 85	240,0	1,20
	m o	.609	00	0,00
	Văn	.003	0	
34	Ngu Hải	K35 7.51 98	240,0	1,20
	yễn	.609	00	0,00
	Chu	.011	0	
	ng			
35	Quá Hảo	K35 7.71 83	240,0	1,20

	ch	.609	00	0,00
	Thị	.012		0
	Song			
36	TrươHươ K35 7.51 92		240,0	1,20
	ng ng	.609	00	0,00
	Thị	.017		0
	Trà			
	m			
37	Võ Ngộ K35 7.63 80		240,0	1,20
	Thị c	.609	00	0,00
	Thú	.024		0
	y			
38	Ngu Nhị K35 7.54 86		240,0	1,20
	yễn	.609	00	0,00
	Thị	.031		0
39	Bùi Trin K35 8.20 82		300,0	1,50
	Thị h	.609	00	0,00
	Thù	.045		0
	y			
40	Phạ Huy K34 7.84 88		240,0	1,20
	m N nh	.609	00	0,00
	gọc	.012		0
41	Ngu Khá K34 8.32 91		300,0	1,50
	yễn nh	.609	00	0,00
	Duy	.014		0
42	Hồ Kiều K34 8.08 83		300,0	1,50
	Ngộ	.609	00	0,00
	c	.015		0
43	PhanNam K34 7.88 90		240,0	1,20
	Hoài	.609	00	0,00
		.020		0
44	PhanThú K34 8.28 91		300,0	1,50
	Thị y	.609	00	0,00
	Than	.032		0
	h			
45	Trần Trun K34 8.44 99		300,0	1,50
	Văn g	.609	00	0,00
		.037		0